TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA
Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29-8-2018
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hồng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Ngọc Châu.
2. Ông Đoàn Thân.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Đức - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa *tham gia phiên tòa*: Không.

Ngày 29 tháng 8 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 49/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018 về "Tranh chấp hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thùy L, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số nhà 08, đường L, tk6, thị trấn HT, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Lê Minh C, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số nhà 16, đường L, tk6, thị trấn HT, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/4/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thùy L trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Lê Minh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn HT, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa ngày 06/5/2014. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc từ khi kết hôn đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi chửi nhau. Do không chịu đựng được nên chị L và anh C đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2017 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Minh C.

Về con chung*:* Chị Nguyễn Thùy L khai, vợ chồng có một con chung, cháu tên là Lê Nguyễn Minh N, sinh ngày 14/3/2015. Chị L đề nghị, sau ly hôn anh Lê Minh

C trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị Nguyễn Thùy L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 03/6/2018 bị đơn là anh Lê Minh C trình bày: Anh và chị Nguyễn Thùy L tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn HT, huyện HT ngày 06/5/2014. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc từ khi kết hôn đến tháng 06/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ngoài ra còn do phía gia đình bên vợ tham gia vào cuộc sống vợ chồng, làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Anh C và chị L sống ly thân từ tháng 06/2017 cho đến nay. Nay chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C, anh không đồng ý vì mâu thuẫn vợ chồng không phải đến từ anh C.

Về con chung: Anh C khai anh và chị L có một con chung với nhau, cháu tên là Lê Nguyễn Minh N, sinh ngày 14/3/2015. Hiện nay cháu N đang do anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Anh đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hiện nay anh C đang làm nghề kiến trúc sư có thu nhập hàng tháng khoảng 19.000.000 đồng nên đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu N.

Về tài sản: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa vắng mặt anh C và chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thùy L có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4, Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị L và anh C là phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thùy L và anh Lê Minh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 6 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 6/2017 chị L, anh C sống ly thân cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, chứng tỏ cuộc sống đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, giải quyết cho chị L được ly hôn anh C là phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thùy L và anh Lê Minh C thừa nhận vợ chồng có một con chung, cháu tên là Lê Nguyễn Minh N, sinh ngày 14/3/2015 nên đủ cơ sở khẳng định cháu N là con chung của chị L và anh C. Hiện nay cháu N đang ở với anh C, chị L đề nghị anh C trực tiếp nuôi dưỡng, anh C đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, vì vậy giao cháu N cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Mặc dù anh C không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, Chị L tự nguyện cấp

dưỡng nuôi con chung cùng anh C mỗi tháng là 1.000.000 đồng, cần ghi nhận sự tự nguyện này của chị L.

[4]. Về tài sản: Chị L và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thùy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 2, Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 6; khoản 5, khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thùy L và anh Lê Minh C.

2. Về con chung: Công nhận chị Nguyễn Thùy L và anh Lê Minh C có một con chung, cháu tên là Lê Nguyễn Minh N, sinh ngày 14/3/2015. Giao cháu N cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C mỗi tháng là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*). Thời hạn cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 8/2018 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Chị L có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ khi anh C có đơn yêu cầu thi hành án phần cấp dưỡng nuôi con, nếu chưa thi hành án, chị L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền và thời gian chưa thi hành án. Khoản tiền lãi chậm thi hành án được tính bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thùy L phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng định kỳ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* chị L đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0000186 ngày 05/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị L còn phải nộp tiếp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị L và anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Văn Hồng